

ĐỀ CƯƠNG

**BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XIII
về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây
dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc**

ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với nhiều nghị quyết, chỉ thị khác về tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, về đại đoàn kết toàn dân tộc, về dân tộc, tôn giáo, về Mặt trận và các đoàn thể Nhân dân. Thông qua việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị đó, quyền làm chủ của Nhân dân trong tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, xã hội đã từng bước được phát huy, góp phần tích cực động viên Nhân dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên được củng cố nội dung hoạt động, mở rộng, phong phú, thiết thực hơn. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức được mở rộng hơn, là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, tại thời điểm đó, Đảng ta đã nhận định: (1) Khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân chưa thật bền chặt và đang đứng trước những thách thức mới. (2) Lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ của một bộ phận Nhân dân chưa vững chắc, tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn khá phổ biến và nghiêm trọng, kỷ cương phép nước nhiều lúc, nhiều nơi không nghiêm, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp. (3) Các vụ khiếu kiện đông người vẫn còn nhiều, có lúc, có nơi rất gay gắt. (4) Việc tập hợp Nhân dân vào Mặt trận và các đoàn thể, các tổ chức xã hội còn nhiều hạn chế, nhất là ở khu vực kinh tế tư nhân, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ở một số vùng có đông đồng bào theo đạo, đồng bào dân tộc thiểu số... Để khắc phục, ngày 12/3/2003, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW “Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” (sau đây gọi là Nghị quyết 23).

Thực hiện Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Ban Bí thư đã thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW; Ban Chỉ đạo đã xây dựng kế hoạch và hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai tổng kết; thành lập 05 đoàn khảo sát tại 09 tỉnh, thành phố và 09 ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành Trung ương. Trên cơ sở nghiên

cứu, tổng hợp các báo cáo tổng kết, báo cáo chuyên đề, kết quả khảo sát, hội thảo, lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học; Bộ Chính trị đã xem xét, cho ý kiến về kết quả tổng kết Nghị quyết 23.

Chiều ngày 06/10/2023 và sáng ngày 07/10/2023, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ Tám (khóa XIII) đã thảo luận tại Tổ và Hội trường về Đề án Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW. Đã có 102 lượt ý kiến phát biểu tại 14 Tổ và 07 ý kiến phát biểu tại Hội trường.

Đa số Trung ương đều đồng tình, đánh giá sự chuẩn bị của Bộ Chính trị là công phu, kỹ lưỡng, khoa học, phản ánh tương đối đầy đủ những kết quả đạt được sau 20 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 23 với những bước tiến trong xây dựng, củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. Trung ương đều thống nhất ban hành Nghị quyết của Hội nghị lần thứ Tám, Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) ***“Về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”*** (Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023 do Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành).

I- VÌ SAO BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA XIII BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT SỐ 43-NQ/TW

1- Sau 20 năm triển khai thực hiện, Nghị quyết 23 đã hoàn thành cơ bản các mục tiêu, quan điểm, chủ trương và giải pháp chủ yếu mà Nghị quyết đã đề ra

Nghị quyết 23 đã xác định 01 mục tiêu, 04 quan điểm, 05 chủ trương và giải pháp chủ yếu. Qua 20 năm thực hiện đã đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

1.1- Trong 20 năm thực hiện Nghị quyết 23, đã có nhiều chủ trương mới của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được ban hành nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập trung thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, miền; quan tâm phát triển toàn diện khu vực miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, giữ vững sự ổn định CT-XH, tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Tính đến thời điểm Tổng kết Nghị quyết 23, riêng lĩnh vực công tác dân vận, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ khóa IX đến XIII đã ban hành 12 nghị quyết, 24 kết luận và thông báo kết luận, 16 chỉ thị, 13 quy định, 4 hướng dẫn và nhiều quy chế, quy định. Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ năm 2003 đến nay đã thông qua Hiến pháp 2013 và ban hành 186 luật, pháp lệnh, nghị quyết có nội dung

liên quan đến quan điểm, chủ trương của Nghị quyết 23-NQ/TW. Giai đoạn 2007 - 2021, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 2.146 nghị định, 1.113 quyết định, 8.938 thông tư, 943 thông tư liên tịch các bộ, ngành ban hành để cụ thể hóa luật, pháp lệnh của Quốc hội.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, qua 20 năm, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố, tăng cường và phát huy. Các giai tầng xã hội chuyển biến tích cực, phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng:

Giai cấp công nhân tăng nhanh về số lượng, từ trên 8 triệu năm 2003 đã nâng lên khoảng 17 triệu hiện nay; ngày càng nâng cao về trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong và kỷ luật lao động; đã hình thành đội ngũ công nhân có khả năng làm chủ, sáng tạo khoa học - công nghệ cao trong một số ngành như dầu khí, hàng không, điện tử - tin học, bưu chính - viễn thông.

Giai cấp nông dân chuyển biến quan trọng trong tư duy sản xuất, kinh doanh; chủ động, sáng tạo trong ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, trở thành chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại; nông dân nước ta hiện có gần 16 triệu hộ, dân số ở khu vực nông thôn chiếm khoảng 62,7% dân số.

Đội ngũ trí thức tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong nhiều ngành và lĩnh vực, một bộ phận trí thức đạt trình độ ngang tầm với trình độ của trí thức các nước phát triển trên thế giới. Cả nước có khoảng 6,28 triệu người có trình độ từ đại học trở lên tham gia thị trường lao động; riêng Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam đã tập hợp khoảng 2,2 triệu trí thức; Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam đã tập hợp 42.000 văn nghệ sĩ là trí thức.

Thanh niên Việt Nam từ 16 đến 30 tuổi hiện có khoảng 22,6 triệu người, chiếm trên 23,5% dân số, trở thành lực lượng năng động, sáng tạo, có hoài bão, dám nghĩ, dám làm, tiếp cận nhanh với tri thức của thời đại, hành động thiết thực vì cộng đồng, vì tương lai tươi sáng của tuổi trẻ.

Phụ nữ Việt Nam hiện có khoảng 50 triệu người, chiếm trên 50,5% dân số, phát huy truyền thống, đề cao tự trọng, tự tin, không ngừng vươn lên trong học tập, lao động, sáng tạo, xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, tham gia ngày càng nhiều vào các lĩnh vực hoạt động, quản lý xã hội và cơ quan lãnh đạo, quản lý các cấp.

Cựu chiến binh Việt Nam hiện có khoảng 3,1 triệu hội viên, phát huy tốt truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế; tích cực tham gia xây dựng Đảng, nêu cao tinh thần gương mẫu, giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho thế hệ trẻ.

Người cao tuổi Việt Nam có khoảng 11,41 triệu người, chiếm gần 12% dân số cả nước, giữ vai trò quan trọng trong gia đình và xã hội, lan tỏa tinh thần “Tuổi cao - Gương sáng” vì quê hương đất nước.

Doanh nhân Việt Nam không ngừng lớn mạnh, tăng cường liên kết, đóng góp quan trọng vào phát triển KT-XH, trách nhiệm với cộng đồng, xã hội; tiêu biểu cho ý chí, nghị lực vươn lên làm giàu, tiên phong trong đổi mới, tạo ra nhiều việc làm cho xã hội.

Các dân tộc thiểu số hơn 14,1 triệu người, chiếm khoảng 14,7% dân số, luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, đã nỗ lực vươn lên xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế; xây dựng cộng đồng, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Đồng bào các tôn giáo với trên 26,5 triệu tín đồ, tích cực xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”, đoàn kết, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Hoạt động tôn giáo ngày càng sinh động, các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của tôn giáo đã và đang được phát huy hiệu quả, đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài khoảng hơn 5,3 triệu người đang sinh sống, học tập, làm việc trên 130 quốc gia và vùng lãnh thổ, luôn hướng về Tổ quốc, củng cố niềm tin, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; trở thành một trong những nguồn lực đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước.

1.2- Từng bước hoàn thiện cơ chế phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, mở rộng dân chủ trực tiếp, nâng cao dân chủ đại diện.

Sau 24 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (1998) và 15 năm thực hiện Pháp lệnh số 34 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (2007), đến nay, phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” đã thể chế hóa thành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, được Quốc hội khóa XV thông qua vào tháng 11/2022, có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 thể hiện bước tiến trong phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và dân chủ hóa đời sống xã hội.

Tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước được xây dựng ngày càng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được chú trọng; phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức công vụ và tinh thần trách nhiệm phục vụ Nhân dân chuyển biến rõ rệt. Công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính được thực hiện mạnh mẽ; hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp có nhiều tiến bộ, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp được nâng lên.

1.3- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức CT-XH, các hội quần chúng tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, khẳng định vị trí, vai trò trong hệ thống chính trị; làm nòng cốt tổ chức vận động, tập hợp đông đảo các tầng lớp Nhân dân tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo của Nhân dân đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước.

Từng bước thực hiện tốt vai trò đại diện quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; chủ động tham gia giám sát và phản biện xã hội; tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

1.4- Công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được coi trọng; đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phát huy hiệu quả các phương tiện truyền thông đại chúng trong công tác chính trị tư tưởng, nâng cao trách nhiệm công dân, tăng cường sự đồng thuận xã hội.

Tổ chức phát động và triển khai nhiều cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước trong toàn dân nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Thường xuyên lãnh đạo, kịp thời đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, chống phá, xuyên tạc, kích động gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch.

1.5- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh được đặc biệt coi trọng, bảo đảm để Đảng thực sự là hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Việc phát huy vai trò gương mẫu của đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cấp; nêu cao tự phê bình và phê bình, phát huy dân chủ, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Đã hình thành các cơ chế động viên Nhân dân tham gia và dựa vào Nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được triển khai quyết liệt; kiên quyết, kiên trì xử lý nghiêm tổ chức, đảng viên vi phạm; nhiều vụ án tham nhũng được xét xử kịp thời. Qua đó, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Trong những năm qua, Đảng ta luôn quan tâm tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, có bước đột phá, ngày càng đi vào chiều sâu, gắn kết giữa

“xây” và “chống”¹. Các luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thanh tra, kiểm toán, tài chính công được sửa đổi, hoàn thiện², tạo tiền đề xây dựng cơ chế phòng ngừa tham nhũng toàn diện và sâu rộng, là cơ sở pháp lý vững chắc khẳng định vị thế, phát huy vai trò, trách nhiệm và bảo đảm sự đồng bộ hoạt động của các cơ quan trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng lãng phí, tiêu cực, góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động của cơ quan nhà nước nói chung và hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, sử dụng tài chính công, tài sản công nói riêng. Từ năm 2013 đến nay, các cơ quan tiến hành tố tụng Trung ương và địa phương đã khởi tố, điều tra 14.300/24.410 bị can; xét xử sơ thẩm hơn 11.700/22.600 bị cáo về tham nhũng kinh tế, chức vụ. Riêng Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng chống tham nhũng, tiêu cực từ khi thành lập đến nay đã đưa 800 vụ án, vụ việc tham nhũng kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm vào diện theo dõi, chỉ đạo ở 3 cấp độ³; trong đó Ban Chỉ đạo Trung ương theo dõi, chỉ đạo 180 vụ án, 133 vụ việc, đã xét xử sơ thẩm 120 vụ án/1.083 bị cáo⁴, với mức án rất nghiêm khắc⁵, có tác dụng cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa tham nhũng có hiệu quả, tạo bước đột phá trong công tác phát hiện và phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

Sau 20 năm thực hiện Nghị quyết về phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã góp phần đưa đất nước ta từ một nước chậm phát triển thành nước đang phát triển. Quy mô nền kinh tế đã đạt gần 410 tỷ USD, tăng gấp nhiều lần so với thời điểm ban hành Nghị quyết. Thu nhập bình quân đầu người tăng gấp 8 lần, từ 498,58 USD (năm 2000) lên 4.162,94 USD (năm 2022)⁶. Đời sống Nhân dân được cải thiện và nâng lên rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo từ 12% (năm 2003)⁷ giảm còn 4,3% (năm 2022)⁸. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo, “đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”.

2- Qua 20 năm thực hiện Nghị quyết 23, Trung ương đã thống nhất đánh giá vẫn còn một số hạn chế, khuyết điểm; rút ra một số bài học kinh nghiệm

2.1- Hạn chế, khuyết điểm

¹ Từ năm 2013 đến nay, BCHTW, BCT, BBT đã ban hành hơn 250 văn bản về xây dựng và chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

² Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 ; Luật Thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013; Luật Quản lý nợ công năm 2017; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Luật Phòng, chống tham nhũng 2018.

³ Cấp độ BCĐTW theo dõi (133 vụ án, 94 vụ việc); cấp độ Ban Nội chính TW theo dõi (31 vụ án, 5 vụ việc); cấp độ BCĐ các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán đảng, đảng đoàn các bộ, ngành chỉ đạo, xử lý (hơn 600 vụ án, vụ việc).

⁴ Các vụ án điển hình như: Dương Chí Dũng, Huỳnh Thị Huyền Như, Trịnh Xuân Thanh, Mobiphone-AVG...

⁵ 10 bị cáo với 11 án tử hình; 25 bị cáo với 26 án chung thân; 13 bị cáo 30 năm tù; 28 bị cáo từ 20 đến dưới 30 năm tù.

⁶ Theo số liệu thống kê của Ngân hàng Thế giới.

⁷ Tính theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định 1143/2000/QĐ-LĐTBXH ngày 01/11/2000 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH (nguồn: Báo cáo tổng quan tình hình kinh tế - xã hội 2001-2003 của Tổng cục Thống kê).

⁸ Tính theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 tại Nghị định 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ (nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế xã hội 2022 của Tổng cục Thống kê).

- Việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển KT-XH, về phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở một số lĩnh vực, địa bàn kết quả còn thấp; nhiều nguồn lực trong Nhân dân chưa được phát huy hiệu quả. Đời sống của một bộ phận Nhân dân còn khó khăn; khoảng cách giữa các vùng miền, khu vực còn lớn.

- Cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” chưa được cụ thể hóa kịp thời. Quyền làm chủ của Nhân dân, nhất là dân chủ ở cơ sở có lúc, có nơi còn bị vi phạm. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân có lúc, có nơi chưa thực sự gắn bó chặt chẽ.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức CT-XH chưa phát huy hết vai trò trong tập hợp, đoàn kết các tầng lớp Nhân dân; chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong đại diện quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân; hoạt động giám sát, phản biện xã hội chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

2.2- Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm

- Nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa đầy đủ, sâu sắc về vị trí, tầm quan trọng của phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới, thiếu tích cực trong việc triển khai Nghị quyết. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thiếu gương mẫu; chưa gắn bó mật thiết và chưa thực sự tôn trọng Nhân dân, không kịp thời giải quyết những bức xúc, kiến nghị của người dân.

- Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa làm rõ nội dung cốt lõi về đại đoàn kết toàn dân tộc, về sự biến động và những vấn đề mới đặt ra đối với mỗi giai tầng, về liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong điều kiện mới.

- Một số chính sách, pháp luật của Nhà nước được ban hành chưa sát với thực tiễn cuộc sống, khi thực hiện gây nhiều bức xúc trong Nhân dân; có chủ trương đúng nhưng chậm được triển khai, thực hiện.

- Sự chống phá của các thế lực thù địch ngày càng tinh vi, xảo quyệt nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng nhằm chia rẽ Nhân dân với Đảng, Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2.3- Bài học kinh nghiệm

Từ kết quả, hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm; Báo cáo Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 23 đã rút ra 5 bài học kinh nghiệm rất sâu sắc:

Một là, nhiệm vụ xây dựng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh phải được quán triệt sâu sắc, triển khai quyết liệt; cụ thể hóa và tổ chức thực hiện sáng tạo, phù hợp với từng đối tượng, giai tầng xã hội, địa phương, vùng miền.

Hai là, mọi công việc của Đảng và Nhà nước phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm "dân là gốc"; thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát và bảo đảm phục vụ lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

Ba là, cùng với thường xuyên củng cố nền tảng liên minh chính trị giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, phải tăng cường mở rộng mặt trận tập hợp, đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp Nhân dân, phát huy tinh thần yêu nước, khả năng đóng góp của mọi người cho sự nghiệp chung, vì tương lai, hạnh phúc của mọi người dân Việt Nam.

Bốn là, sự gương mẫu, luôn gắn bó mật thiết của cán bộ, đảng viên với Nhân dân, vì Nhân dân phục vụ; sự trong sạch, vững mạnh, đoàn kết thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị là nhân tố quyết định đoàn kết, tập hợp và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Năm là, chủ động nghiên cứu, dự báo đúng tình hình, có giải pháp phù hợp, thích ứng linh hoạt với những biến động quốc tế và quá trình hội nhập của đất nước trên nguyên tắc bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc. Kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn các âm mưu chia rẽ Nhân dân với Đảng và Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3- Đây chính là các lý do quan trọng để Trung ương nghiên cứu, tổng kết, cụ thể hóa và phản ánh đầy đủ trong phần quan điểm, mục tiêu, chủ trương và giải pháp chủ yếu của Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XIII).

Mặt khác, từ thực tiễn sau 20 năm thực hiện Nghị quyết 23 và gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, tình hình thế giới, khu vực và trong nước đã có nhiều thay đổi. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã mở ra cho đất nước ta những cơ hội và thuận lợi cơ bản. Bên cạnh đó, đất nước ta đang đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, có những nhân tố tác động trực tiếp đến xây dựng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới và mục tiêu đưa nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045 đã và đang đặt ra nhiều yêu cầu mới cao hơn đối với việc xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

II- NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 43-NQ/TW

1- Về nội dung của Nghị quyết, Ban Chấp hành Trung ương thống nhất tên gọi của Nghị quyết và 4 phần

1.1- Về tên gọi: Nghị quyết mới thể hiện sự truyền cảm, hiệu triệu các tầng lớp Nhân dân cùng hướng về một mục tiêu chung, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thuộc, thấy được đại đoàn kết dân tộc là truyền thống quý báu của dân tộc ta, đó là: ***“Về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”***.

1.2- Cấu trúc của Nghị quyết gồm 4 phần: (1) Tình hình; (2) Quan điểm, mục tiêu; (3) Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (4) Tổ chức thực hiện. Trong đó: về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, kế thừa nhiều nội dung còn nguyên giá trị của Nghị quyết 23, có bổ sung, phát triển những quan điểm của Đảng ta đã xây dựng trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, cụ thể hóa nội dung về phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc trong các chủ trương của Đảng mới được ban hành, nhất là Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

2- Về quan điểm, mục tiêu: Nghị quyết nêu 4 quan điểm và xác định rõ mục tiêu đến năm 2030, năm 2045 và giữa thế kỷ XXI.

2.1- Quan điểm tập trung vào 4 nội dung

- Quan điểm 1: Đảng ta tiếp tục khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu, đường lối chiến lược quan trọng, xuyên suốt của Đảng; nguồn sức mạnh to lớn, nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nền tảng vững chắc của đại đoàn kết toàn dân tộc là liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo; là mối quan hệ bền chặt giữa Đảng và Nhân dân, là niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ; là đoàn kết trong Đảng, đoàn kết giữa các giai tầng xã hội, giữa cộng đồng các dân tộc Việt Nam, giữa đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo, giữa những người theo các tôn giáo khác nhau, giữa người Việt Nam ở trong và ngoài nước; là đoàn kết giữa Nhân dân Việt Nam và Nhân dân yêu chuộng hoà bình, tiến bộ trên thế giới.

- Quan điểm 2: Có tính hiệu triệu người Việt Nam ở trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài. Lấy mục tiêu xây dựng nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045 làm điểm tương đồng để động viên, cổ vũ Nhân dân đồng lòng, chung sức thực hiện vì tương lai của dân tộc, hạnh phúc của Nhân dân.

- Quan điểm 3: Đề cao phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và “vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân”. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải gắn với phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, quyền làm chủ của Nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Giải

quyết tốt quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng, nâng cao cuộc sống của Nhân dân; bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các dân tộc, các giai tầng xã hội và của mỗi người dân trong tiếp cận cơ hội, đóng góp cho đất nước và thụ hưởng thành quả phát triển.

- Quan điểm 4: Vai trò của cả hệ thống chính trị về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm của Đảng và cả hệ thống chính trị. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng đoàn kết trong hệ thống chính trị, đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội giữ vai trò nòng cốt chính trị trong tập hợp, đoàn kết, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, tiềm năng, sức sáng tạo của Nhân dân cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.2- Mục tiêu: Tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường đồng thuận xã hội, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, niềm tin, khát vọng cống hiến và xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc; góp phần thực hiện thành công mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3- Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

3.1- *Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, hệ thống chính trị và Nhân dân về vị trí, tầm quan trọng của việc phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc*

Tiếp tục nghiên cứu, học tập, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc; về vị trí, tầm quan trọng của phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn mới; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng và hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và Nhân dân về củng cố, tăng cường và phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền; đổi mới và đa dạng hoá hình thức tuyên truyền, giáo dục về truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc cho cán bộ, đảng viên, hội viên và Nhân dân. Phát huy hiệu quả các phương tiện truyền thông đại chúng, các loại hình văn hoá, nghệ thuật; phối hợp đồng bộ giữa thông tin đối nội và thông tin đối ngoại; kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền, giáo dục truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc với tuyên truyền về đường lối, chủ trương của

Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tựu phát triển, hình ảnh đất nước, con người Việt Nam.

Tăng cường nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp, kịp thời giải quyết những tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của cử tri và Nhân dân; đề cao trách nhiệm của cấp uỷ, hệ thống chính trị ở cơ sở, cán bộ, đảng viên; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, chức sắc, chức việc trong các tôn giáo góp phần tuyên truyền, vận động, tạo đồng thuận xã hội, động viên Nhân dân tham gia tích cực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của địa phương, đất nước; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Chú trọng xây dựng đoàn kết, thống nhất trong Đảng, hệ thống chính trị và trong Nhân dân. Nâng cao cảnh giác, chủ động nhận diện, phát hiện từ sớm, từ xa, ngăn chặn, đấu tranh, xử lý kịp thời âm mưu, thủ đoạn, hành động chia rẽ Đảng, Nhà nước với Nhân dân, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3.2- Hoàn thiện chủ trương, chính sách về đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển đất nước

3.2.1- Tiếp tục hoàn thiện chủ trương, chính sách về phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn mới; phát huy vai trò của các giai tầng xã hội; khơi dậy mọi tiềm năng, sức sáng tạo của mỗi người Việt Nam góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

- *Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam* hiện đại, lớn mạnh về số lượng và chất lượng; có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cao, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, thích ứng với sản xuất công nghiệp hiện đại; có bản lĩnh chính trị vững vàng, giác ngộ giai cấp, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc. Phát huy vai trò nòng cốt của giai cấp công nhân trong khối liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Đổi mới mạnh mẽ mô hình tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của công đoàn phù hợp với cơ cấu lao động, nhu cầu, nguyện vọng của công nhân và yêu cầu hội nhập quốc tế. Bảo đảm tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp ra đời và hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, tuân thủ pháp luật; phòng ngừa, kiên quyết xử lý việc lợi dụng tổ chức của người lao động để xâm phạm quyền, lợi ích của người lao động và doanh nghiệp, gây mất an ninh, trật tự.

- *Xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam* phát triển toàn diện, văn minh, tự chủ, tự lực, tự cường và có ý chí, khát vọng vươn lên; có trình độ và năng lực tổ chức sản xuất tiên tiến, ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; có trách nhiệm xã hội, tôn trọng pháp luật, bảo vệ môi trường; là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông

thôn mới và công nghiệp hoá, đô thị hoá nông thôn; được thụ hưởng những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, từng bước tiếp cận các dịch vụ của đô thị.

- *Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức* ngày càng lớn mạnh, có cơ cấu hợp lý, chất lượng cao; là nhân tố quan trọng phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế; có vai trò quan trọng trong liên minh với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Có cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng trí thức Việt Nam cả trong và ngoài nước. Phát huy vai trò tư vấn, phản biện, tham mưu chủ trương, chính sách của đội ngũ trí thức.

- *Phát triển đội ngũ doanh nhân* lớn mạnh về số lượng và chất lượng; có trí tuệ, năng lực quản lý, năng động, sáng tạo, có đạo đức và văn hoá kinh doanh, tinh thần dân tộc, trách nhiệm xã hội, đóng góp tích cực vào xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Xây dựng Chiến lược quốc gia phát triển đội ngũ doanh nhân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tạo hành lang pháp lý và môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, an toàn để doanh nhân phát triển.

- *Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ* về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, ý chí, khát vọng cống hiến, nêu cao trách nhiệm đối với đất nước, xã hội. Xây dựng môi trường, điều kiện học tập, rèn luyện, lao động, giải trí để thế hệ trẻ phát triển lành mạnh, toàn diện, hài hoà cả về trí tuệ, thể chất và thẩm mỹ. Xây dựng các phong trào thanh niên thi đua học tập, lao động, sáng tạo, khởi nghiệp, lập nghiệp, làm chủ kiến thức khoa học - công nghệ hiện đại, xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- *Chăm lo xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới* đồng thời phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của phụ nữ; tích cực xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc. Hoàn thiện và thực hiện tốt chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ; đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em. Tăng cường các chương trình phát triển, hỗ trợ cập nhật tri thức, kỹ năng, cơ hội tiếp cận, thụ hưởng các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, khu vực miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

- *Tăng cường vai trò của cựu chiến binh* trong giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ

Hồ", tham gia xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tích cực giúp nhau làm kinh tế, cải thiện, nâng cao đời sống, làm giàu hợp pháp, góp phần xây dựng, phát triển đất nước.

- *Phát huy uy tín, kinh nghiệm của người cao tuổi* trong xã hội, cộng đồng và gia đình. Kính trọng, bảo vệ, chăm sóc, có cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực để chăm lo và phát huy vai trò của người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi; có chính sách bảo trợ, giúp đỡ người cao tuổi gặp khó khăn, cô đơn không nơi nương tựa.

- *Bảo đảm các dân tộc* bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, phát huy nội lực, vươn lên cùng phát triển. Chú trọng tính đặc thù của từng vùng dân tộc thiểu số trong hoạch định, thực hiện chính sách dân tộc. Có cơ chế thúc đẩy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội, vươn lên thoát nghèo và giảm nghèo bền vững. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao dân trí, giữ gìn tiếng nói, chữ viết, bản sắc văn hoá và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; vận động xoá bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn hoá mới; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số, người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số.

- *Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo*, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ sống "tốt đời đẹp đạo", đồng hành cùng dân tộc, tích cực tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và chính quyền các cấp phát động. Bảo đảm để các tổ chức tôn giáo hoạt động bình đẳng theo quy định của pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận; quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ, hỗ trợ giải quyết các nhu cầu chính đáng của quần chúng tín đồ trong hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh. Tôn trọng, khuyến khích phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- *Hỗ trợ để người Việt Nam ở nước ngoài* có địa vị pháp lý vững chắc, hoà nhập xã hội, đóng góp tích cực cho nước sở tại; tăng cường bảo hộ công dân. Tạo điều kiện để đồng bào giữ gìn tiếng Việt, bản sắc văn hoá dân tộc, nâng cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc. Đẩy mạnh vận động người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là thế hệ trẻ, gắn bó với quê hương, trở thành cầu nối giữa Việt Nam với các nước. Kiên trì tuyên truyền, vận động, thuyết phục những kiều bào còn định kiến để củng cố, tăng cường niềm tin, yên tâm hướng về Tổ quốc, có nhận thức và hành động phù hợp với lợi ích quốc gia - dân tộc. Thu hút, tạo điều kiện để trí thức, văn nghệ sĩ, doanh nhân, nhà khoa học, nhà quản lý người Việt

Nam ở nước ngoài về nước đầu tư, sản xuất, kinh doanh, đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3.2.2- Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn làm rõ sự phân hoá, biến đổi của các giai tầng xã hội trong quá trình phát triển, hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng; nội dung cốt lõi của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong giai đoạn mới. Xây dựng và triển khai Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3.3- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; tăng cường đoàn kết trong Đảng, giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng trong xây dựng và phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Kiên trì thực hiện công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh theo các Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, khoá XII và Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII. Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; thực hiện nghiêm trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp; củng cố, tăng cường niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; sâu sát cơ sở, nêu cao ý thức phục vụ và gắn bó mật thiết với Nhân dân, luôn hành động vì lợi ích và hạnh phúc của Nhân dân, dựa vào Nhân dân để giám sát và đánh giá cán bộ; lấy kết quả sản phẩm công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí quan trọng đánh giá chất lượng tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

Tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng làm cơ sở vững chắc để xây dựng đoàn kết trong hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; thường xuyên đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đáp ứng yêu cầu tình hình mới; giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng trong giữ gìn và phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Tiếp tục hoàn thiện và cụ thể hoá cơ chế "*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ*" gắn với phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*".

Thực hành và phát huy dân chủ; thực hiện nghiêm chế độ người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp định kỳ tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân, cử lãnh đạo làm việc với các tổ chức đại diện của Nhân dân; lắng nghe và giải quyết kịp thời

những nguyện vọng, kiến nghị hợp pháp, chính đáng, những vấn đề Nhân dân bức xúc, dư luận xã hội quan tâm. Tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Đảng về phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

3.4- Nâng cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước trong phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

3.4.1- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo. Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định. Xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật phải xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, bảo đảm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và giải quyết hài hoà lợi ích trong xã hội.

3.4.2- Mọi hoạt động của cơ quan nhà nước, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đều phải phục vụ Nhân dân; lấy âm no và hạnh phúc của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu, thước đo hiệu quả công việc; kịp thời giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân, nhất là những vấn đề Nhân dân quan tâm, dư luận bức xúc; thực hiện đúng đắn chính sách dân tộc, tôn giáo.

Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo, phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước của người Việt Nam ở trong và ngoài nước, góp phần xây dựng, phát triển đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Tập trung phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; tổ chức thực hiện tốt các chính sách xã hội, an sinh, giảm nghèo bền vững gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng yếu thế trong xã hội. Khuyến khích làm giàu chính đáng; có cơ chế, chính sách bảo đảm sự công bằng, bình đẳng, cơ hội tiếp cận cho mỗi người dân trong quá trình phát triển, đóng góp cho sự phát triển đất nước và thụ hưởng thành quả phát triển. Tiếp tục nâng cao chính sách phúc lợi; Nhà nước, xã hội hỗ trợ, giúp đỡ cho người có hoàn cảnh khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn bảo đảm an sinh.

Chính quyền các cấp thực hiện tốt cơ chế phối hợp và bảo đảm các điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; giám sát và phản biện xã hội, tích cực tham gia quản lý nhà nước, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; tuyên truyền, vận động Nhân dân đoàn kết, thi đua thực hiện thắng lợi đường lối, chủ

trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; làm tốt vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các đại biểu dân cử đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước.

3.5- Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tiềm năng và sức sáng tạo của Nhân dân

Xây dựng cơ chế, chính sách để phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực và sức sáng tạo của Nhân dân; phát huy vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tổ chức tốt việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở và phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*" trong tất cả các loại hình tổ chức và đơn vị cơ sở.

Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Xây dựng cơ chế phù hợp để Nhân dân tham gia ý kiến vào quá trình hoạch định chính sách, quyết định những vấn đề lớn và quan trọng của đất nước, những vấn đề có liên quan mật thiết đến cuộc sống của người dân; nêu cao tinh thần cầu thị, tiếp thu, trách nhiệm thông tin, giải trình của các cơ quan nhà nước đối với những kiến nghị, đề xuất của Nhân dân theo quy định.

Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong xã hội; tăng cường đồng thuận xã hội gắn với đề cao ý thức trách nhiệm của công dân; xử lý nghiêm hành vi lợi dụng dân chủ để chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Sớm bổ sung quy định về trách nhiệm công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3.6- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, huy động mọi nguồn lực cho phát triển đất nước

3.6.1- Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực sự là liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện đại diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; bảo đảm hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động với các tổ chức thành viên.

Làm tốt vai trò nòng cốt chính trị, định hướng, phát huy tinh thần tự quản của cộng đồng dân cư, nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ ở cơ sở, hoà giải, giám sát của Nhân dân tại cộng đồng. Chú trọng bồi dưỡng, hướng dẫn, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng.

Đổi mới hình thức tổ chức, mở rộng, nâng cao hiệu quả "*Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc*". Vận động, hướng dẫn phát huy những mặt tốt của các hình thức cộng đồng truyền thống như đồng hương, dòng họ, gia đình...; kịp thời uốn nắn những biểu hiện cục bộ, lệch lạc.

3.6.2- Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tập hợp, vận động, đoàn kết Nhân dân, trọng tâm là địa bàn cơ sở đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, thực hành dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới và nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; nhân rộng, nâng cao hiệu quả mô hình liên kết giữa Nhà nước với doanh nghiệp, nông dân, nhà khoa học trong sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế, tiếp cận thị trường, tham gia chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng.

Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng với các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp trong việc lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến đóng góp của Nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, trong giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của Nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện tốt hoạt động giám sát cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu và đảng viên trong rèn luyện đạo đức, lối sống, thực thi công vụ. Tuyên truyền, vận động đồng bào Việt Nam ở nước ngoài hướng về Tổ quốc; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại nhân dân đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chú trọng xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có năng lực lãnh đạo, có uy tín, tâm huyết, trách nhiệm và kinh nghiệm công tác. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tuyên truyền, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác vận động quần chúng, thông qua đoàn kết, tập hợp đoàn viên, hội viên để nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, những biến đổi trong cơ cấu và giai tầng xã hội đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới.

3.7- Tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả

Đổi mới việc tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua theo hướng thiết thực, hiệu quả, hướng mạnh về cơ sở để đông đảo người dân tham gia, thực sự là chủ thể trong lao động sản xuất, sáng tạo, phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn

mới, đô thị văn minh, làm giàu cho gia đình, quê hương, đất nước, củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với chính quyền đề xuất, triển khai, duy trì các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, nâng cao chất lượng các mô hình, phong trào tự quản của Nhân dân, nhất là trong lĩnh vực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, tạo việc làm, đẩy mạnh học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh, nâng cao chất lượng cuộc sống, mang lại hạnh phúc cho mọi người dân.

Làm tốt công tác tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân tiêu biểu, điển hình; tích cực phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng mô hình hay, cách làm tốt. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách về thi đua, khen thưởng; tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ nhằm thúc đẩy mạnh mẽ các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Nghị quyết số 43-NQ/TW xác định một số nhiệm vụ trong quá trình tổ chức thực hiện

1.1- Bộ Chính trị ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết; lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

1.2- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; định kỳ kiểm tra, đánh giá, đôn đốc việc thực hiện.

1.3- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo sửa đổi, bổ sung các văn bản luật có liên quan, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

1.4- Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện thể chế, tổ chức, kiểm tra, giám sát bảo đảm thực hiện Nghị quyết đồng bộ, hiệu quả. Xây dựng các chiến lược phát triển một số ngành, lĩnh vực góp phần huy động nguồn lực, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2045.

1.5- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng chương trình hành động, kế hoạch triển khai, tuyên truyền, vận động và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

1.6- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hướng dẫn việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng về nội dung và kết quả thực hiện Nghị quyết.

1.7- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2- Dự kiến một số nhiệm vụ cụ thể

2.1- Đảng đoàn Quốc hội

- Chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Chính phủ và đảng đoàn, ban cán sự đảng các cơ quan Trung ương có liên quan xây dựng kế hoạch, thể chế hoá kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, bảo đảm đồng bộ giữa văn bản của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc (*thực hiện thường xuyên*).

- Tăng cường giám sát tình hình triển khai thực hiện pháp luật liên quan các giai cấp, tầng lớp xã hội (*thực hiện thường xuyên*).

2.2- Ban cán sự đảng Chính phủ

- Chủ trì, phối hợp với các đảng đoàn, ban cán sự đảng, tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương chỉ đạo ban hành chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết (*hoàn thành quý II/năm 2024*).

- Lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện thể chế, tổ chức, kiểm tra, giám sát bảo đảm thực hiện Nghị quyết đồng bộ, hiệu quả (*thực hiện thường xuyên*).

- Tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện Nghị quyết (*hoàn thành trong năm 2025*).

2.3- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với đảng đoàn các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương nghiên cứu, tham mưu các chủ trương, giải pháp đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng sáng tạo, đa dạng hoá phương thức vận động, hướng mạnh về cơ sở, sát quần chúng, thực hiện tốt vai trò đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; huy động mọi nguồn lực phục vụ phát triển đất nước (*thực hiện thường xuyên*).

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng và triển khai: (1) Đề án đánh giá về sự hài lòng của người dân (*hoàn thành trong năm 2024*); (2) Chiến lược tiếp tục phát huy truyền

thống đại đoàn kết toàn dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 *(hoàn thành trong năm 2025)*.

- Thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, tích cực tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực *(thực hiện thường xuyên)*.

2.4- Quân uỷ Trung ương và Đảng uỷ Công an Trung ương

Chủ động công tác nắm tình hình, phát hiện từ sớm, từ xa, ngăn chặn, xử lý kịp thời ý đồ chia rẽ Nhân dân với Đảng và Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc *(thực hiện thường xuyên)*.

2.5- Ban Tuyên giáo Trung ương

- Chủ trì tổ chức hướng dẫn việc nghiên cứu, học tập và quán triệt tuyên truyền sâu rộng về nội dung và kết quả thực hiện Nghị quyết *(thực hiện thường xuyên)*.

- Tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để xây dựng và triển khai chiến lược phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng và hoàn thiện cơ chế phát huy dân chủ, tự do sáng tạo và đề cao đạo đức, trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học *(hoàn thành trong năm 2025)*.

2.6- Ban Kinh tế Trung ương

Chủ trì, phối hợp nghiên cứu, tham mưu xây dựng và triển khai chiến lược phát triển đội ngũ doanh nhân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình quốc gia về đào tạo doanh nhân; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho doanh nhân khởi nghiệp sáng tạo, kinh doanh lành mạnh, cống hiến tài năng. *(hoàn thành trong năm 2023)*.

2.7- Hội đồng Lý luận Trung ương phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ những nhân tố tác động đến sự phân hoá, biến động của các giai tầng xã hội, nội hàm đại đoàn kết và phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, nội dung cốt lõi của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức để hiện thực hoá khát vọng xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc trong điều kiện mới *(hoàn thành trong năm 2025)*.

2.8- Ban Dân vận Trung ương

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư *(thực hiện thường xuyên)*.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Bộ Chính trị, Ban Bí thư sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương liên quan đến

các giai cấp, tầng lớp Nhân dân và phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc theo định kỳ (*thực hiện thường xuyên*).

2.9- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương

- Nghiên cứu, cụ thể hoá Nghị quyết, Kế hoạch thực hiện bằng các chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và bổ sung vào Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp (*hoàn thành trong quý II/2024*).

- Rà soát, hoàn thiện, ban hành các quy định, quy chế, quy trình, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở địa phương. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị, địa phương (*thực hiện thường xuyên*).